TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮKLẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **19** /2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 30 tháng 11 năm 2018
V/v: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thông
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Quán
2. Ông Hồ Dũng

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Khang – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Ea Súp mở lại phiên toà xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 102/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 ; Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1979 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 09 L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn C**, sinh năm 1977 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 09 L, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/6/2018, bản tự khai; biên bản hòa giải và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/12/2000. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau do anh C hay ghen tuông nên hiện nay chị T và anh C đã sống ly thân. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, chị T nhận thấy không còng tình cảm với anh C nữa. Mục đích hôn nhân không đạt nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị T và anh C có 01 con chung là cháu Trần Văn L, sinh ngày 15/02/2002. Nguyện vọng của chị T là xin được trực tiếp nuôi cháu L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và C nợ: Chị T và anh C tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/7/2018 ; biên bản hòa giải bị đơn anh Trần Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/12/2000. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hai vợ chồng đã cố gắng để nuôi dạy con cái anh nhận thấy hai vợ chồng cần tìm ra tiếng nói chung để hàn gắn tình cảm nên chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh C và chị T đã có 01 con chung là cháu Trần Văn L, sinh ngày 15/02/2002 nếu chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn ở với ai thì người đó sẽ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và C nợ: Anh C và chị T tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/7/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2018 cháu Trần Văn L trình bày: Thời gian gần đây bố mẹ cháu thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mỗi lần mâu thì bố cháu lại đánh mẹ cháu nguyên nhân là do mẹ cháu thường xuyên đi ra ngoài còn bố cháu thì cấm không cho mẹ cháu quan hệ giao lưu với người khác từ đó dẫn đến mâu thuẫn. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ cháu là chị Nguyễn Thị T.

Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ kiện, Tòa án huyện Ea Súp đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn C tại Hội phụ nữ TDP T, thị trấn E, huyện E. Qua xác minh được biết chị T do gia đình chị T và anh C sống khép kín nên Chị Hội phụ nữ và hàng xóm cũng không nắm rõ về mâu thuẫn giữa chị T và anh C.

Tòa án huyện Ea Súp đã tiến hành hòa giải, bản thân chị Nguyễn Thị T nhất quyết xin được ly hôn với anh Trần Văn C, còn anh Trần Văn C không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Nên Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành. Do đó căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đưa vụ án ra xét xử.

Tại phần tranh luận nguyên đơn chị Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục sống chung cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn C và xin được nuôi con chung là cháu Trần Văn L, sinh ngày 15/02/2002 cho đến khi cháu L

đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình số 102/2018/TLST - HNGĐ ngày 21/6/2018. Thẩm phán được phân C giải quyết vụ án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng, giao thông báo thụ lý vụ án, giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, C khai chứng cứ và hòa giải, thu thập chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Ra quyết định xét xử, tống đạt hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn, bị đơn không chấp hành pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng C khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Vụ kiện giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, bị đơn anh Trần Văn C là vụ kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T và anh C. Tại phiên tòa, anh C vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh C.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án nhận thấy chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn C chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/12/2000 theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, do bất đồng về quan điểm sống, lối sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T thường xuyên quan hệ giao lưu bên ngoài nhưng anh C lại cấm không cho chị T quan hệ giao lưu với người khác và anh C thường xuyên đánh đập chị T từ đó dẫn đến mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Mặc dù chị T và anh C đã cố gắng hàn gắn tình cảm để cùng nuôi dạy con cái nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết tại Tòa án chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh C. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ kéo dài hôn nhân của các bên cũng không thể mang lại hạnh phúc cho nhau. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân & Gia đình, Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh C là phù hợp.

[4] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên toà hôm nay, chị Nguyễn Thị T có nguyện vọng được nuôi con chung là Trần Văn L, sinh ngày 15/02/2002 đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, nguyện vọng của chị T là hợp pháp, cháu L có nguyện vọng được sống với chị T. Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao cháu L cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Trần Văn C được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Trần Văn C cấp dưỡng nuôi con nên anh Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, nếu sau này giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn C có phát sinh tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[6] Về chia tài sản và nợ: Chị T xác định chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh Trần Văn C không có ý kiến gì. Xét thấy: Đây là quyền định đoạt của các đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này về phần chia tài sản và phần nợ. Tuy nhiên, nếu sau này giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn C có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh Trần Văn C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, Điều 203 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân & Gia đình; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn C.

- *Về nuôi con chung*: Giao con chung là cháu Trần Văn L, sinh ngày 15/02/2002 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Trần Văn C phải cấp dưỡng nuôi con nên anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Súp theo biên lai thu số 0006426 ngày 21/6/2018.

- Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, anh Trần Văn C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKS huyện EaSúp;
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện E;
- UBND thị trấn E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Thông